

CÁCH TIẾP CẬN TỪ ĐỒNG ÂM TRONG MỘT SỐ GIÁO TRÌNH Ở BẬC HỌC ĐẠI HỌC HIỆN NAY

Đào Mạnh Toàn¹

Huỳnh Ngọc Tuyết Cương²

¹Trường Đại học Đồng Nai

²Trường Đại học Quốc lập Thành Công, Đài Loan

*Tác giả liên hệ: Đào Mạnh Toàn - Email: toan.daomanh@gmail.com

(Ngày nhận bài: 28/8/2024, ngày nhận bài chỉnh sửa: 13/9/2024, ngày duyệt đăng: 11/12/2024)

TÓM TẮT

Đồng âm là một phạm trù có tính phổ quát trong nhiều ngôn ngữ, bao gồm: đồng âm ở cấp độ hình vị, đồng âm ở cấp độ từ, ngữ, đồng âm ở cấp độ câu. Trong đó, đồng âm ở cấp độ từ là hiện tượng phổ biến nhất. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung tìm hiểu, phân tích những ưu điểm, nhược điểm trong việc trình bày những vấn đề cơ bản, quan trọng về từ đồng âm trong các giáo trình cao đẳng, đại học đã và đang được sử dụng tại Việt Nam; từ đó có những kiến giải, đề xuất để việc nghiên cứu, tìm hiểu, học tập, giảng dạy vấn đề từ đồng âm được tốt hơn.

Từ khóa: Đồng âm, hiện tượng đồng âm, hình vị đồng âm, từ đồng âm, ngữ đồng âm, câu đồng âm

1. Mở đầu

Với tư cách là trung tâm của hiện tượng đồng âm, từ đồng âm được bàn đến từ rất sớm. Nó có mặt trong các giáo trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên Ngữ văn, tiểu học cả ở bậc học cao đẳng, đại học và sau đại học. Những tri thức, kĩ năng về từ đồng âm cũng là nội dung quan trọng trong chương trình giảng dạy ở nhà trường hiện nay. Tuy vậy, cho tới nay, vấn đề này vẫn còn nhiều bất đồng trong giảng dạy, nghiên cứu. Những công trình, giáo trình khảo sát về từ đồng âm cho thấy hiện tượng này đã được tiếp cận từ nhiều hướng khác nhau, mỗi hướng tiếp cận lại mang tới những phát hiện khác nhau. Ngay trong một hướng tiếp cận thì những đặc điểm, khía cạnh liên quan đến từ đồng âm cũng được nhìn nhận không hoàn toàn giống nhau giữa các tác giả.

Xuất phát từ thực tế này, nhóm tác giả thực hiện bài viết “Cách tiếp cận từ đồng âm trong một số giáo trình ở bậc đại học hiện nay” bằng phương pháp

tổng hợp, phân tích các quan điểm; khảo sát, thông kê nguồn từ vựng của từ điển nhằm chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm trong việc trình bày những vấn đề cơ bản, quan trọng về từ đồng âm trong các giáo trình cao đẳng, đại học; từ đó đưa ra những kiến giải, đề xuất nhằm giúp việc nghiên cứu, tìm hiểu, học tập, giảng dạy vấn đề từ đồng âm được tốt hơn.

2. Nội dung nghiên cứu và bàn luận

2.1. Sơ lược các cách tiếp cận từ đồng âm trong một số giáo trình ở bậc học đại học hiện nay

Đầu tiên phải kể tới là quan điểm của tác giả Nguyễn Văn Tu trong *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại*. Quan điểm của ông về vấn đề từ đồng âm tập chung chủ yếu ở chương XV (Nguyễn Văn Tu, 1978, tr. 321-337).

Trong chương VI, ông bàn luận về các vấn đề: nguồn gốc, cách phân loại, cách phân giới hạn từ đồng âm. Về vấn đề phân loại từ đồng âm, ông chia từ đồng âm thành hai kiểu: (1) *từ đồng âm từ vựng* và (2) *từ đồng âm từ vựng* –

ngữ pháp. Về nguồn gốc của các từ đồng âm, ông chia thành: (1) *từ đồng âm ngẫu nhiên*, (2) *từ đồng âm tạo ra do sự diễn biến về ngữ âm*, (3) *những từ đồng âm do sự tách rời các ý nghĩa của một từ đa nghĩa*.

Một trong những trọng tâm của chương này được tác giả đề cập tới là vấn đề phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa. Ông đề ra ba cách phân biệt sau: (1) tìm những dấu hiệu khách quan để phân biệt hai hiện tượng đồng âm tách rời từ đa nghĩa, (2) áp dụng “tiêu chuẩn nội dung”, (3) chú ý cả đến mặt logic, mặt tâm lí của nghĩa và mặt ngôn ngữ mà trong đó nghĩa tồn tại. Trong ba phương pháp trên, theo ông phương pháp thứ ba là phương pháp có hiệu năng hơn cả trong việc phân biệt từ nhiều nghĩa và từ đồng âm trong tiếng Việt.

Năm 1981, đáng chú ý là quan điểm của nhà nghiên cứu Đỗ Hữu Châu trong cuốn *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt*. Ông cho rằng “những đơn vị đồng âm là những đơn vị giống nhau về hình thức ngữ âm nhưng khác nhau về ý nghĩa”, và “chỉ nên xem là đồng âm thực sự khi các đơn vị trong cùng một cấp độ đồng âm” (Đỗ Hữu Châu, 1981, tr. 228). Ông cũng không coi là đồng âm những trường hợp do cách phát âm lệch chuẩn gây ra.

Lí giải nguyên nhân hình thành hiện tượng đồng âm, ông cho rằng có thể do những nguyên nhân sau: (1) do sự trùng hợp ngẫu nhiên về ngữ âm, (2) do sự rút gọn gây ra.

Tác giả Đỗ Hữu Châu còn bàn về việc phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa và cho rằng: “khó khăn nhất là phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa. Có những từ mà nghĩa chuyển biến đến một mức độ nào đấy thì tách ra thành

hai ba từ đồng âm... tuy nhiên rất nhiều trường hợp chuyển nghĩa làm chúng ta băn khoăn...” Những trường hợp khó xác định theo ông là: (1) những trường hợp chuyển nghĩa kèm theo sự chuyển từ loại lớn như: *cuốc* (cuốc đất) và *cuốc* (cái cuốc), *thịt* (miếng thịt) và *thịt* (thịt một con lợn)..., (2) những trường hợp chuyển nghĩa kèm theo sự chuyển tiểu loại như: *chạy* (chạy trên đường) và *chạy* (chạy gạo)..., (3) những trường hợp nhiều nghĩa mà quan hệ giữa các nghĩa tuy đã khá mờ nhạt nhưng vẫn chưa mất hoàn toàn như: *lóng* (lóng tre) và *lóng* (lóng tay), *lỏi* (tốt lỗi) và *lỏi* (thằng lỗi)..., những khó khăn trên theo ông là vẫn chưa thể giải quyết được (Đỗ Hữu Châu, 1981, tr. 231-233).

Năm 1989, đáng chú ý là quan điểm của tác giả Lê Quang Thiêm trong *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ* (Lê Quang Thiêm, 1989, tr. 116-189). Trong chương IV, tác giả khẳng định: “...tiếng Việt, do những đặc điểm của hình vị, thường đơn nghĩa hoặc có đa nghĩa thì cũng có số lượng rất hạn chế (...) hình vị tiếng Việt có đặc trưng nổi bật nhất là ở mặt đồng âm. Do hình vị tiếng Việt tuyệt đại bộ phận là có nghĩa, ngoài từ, phạm vi hoạt động rộng, hoàn thành nhiều chức năng nên thường có nhiều cặp đồng âm: *về* (đgt), *về* (từ liên hệ)” (Lê Quang Thiêm, 1989, tr. 117).

Trong chương VII, khi bàn về *Biểu hiện đồng âm giữa các ngôn ngữ*, tác giả Lê Quang Thiêm (1989) đã khái quát hiện tượng đồng âm thành ba loại là: (1) hiện tượng đồng âm ngẫu nhiên giữa các ngôn ngữ, (2) đồng âm do kết quả tiếp xúc, vay mượn, (3) hiện tượng đồng âm do sự giống nhau hoặc gần gũi về ngữ hệ và cấu trúc ngôn ngữ.

Khi bàn về *Các bình diện đồng âm*, ông cho rằng “đồng âm là những đơn vị khác nhau, có hình thức ngữ âm giống nhau. Như vậy, sự khác nhau chủ yếu là về mặt nội dung. Và cần được xác định trên ba cơ sở là: (1) dựa vào sự phân biệt cấp độ (cùng hoặc khác cấp độ), (2) các loại đơn vị xác định (*từ, hình vị, từ tố*), (3) các mức độ khác nhau của sự đồng âm” (Lê Quang Thiêm, 1989, tr. 139).

Theo tác giả, những đơn vị giống nhau về âm thanh mà khác cấp độ thì chắc chắn là đồng âm. Đó là những đơn vị đồng âm khác bậc. Còn những đơn vị giống nhau về âm thanh, ở cùng một cấp độ, khác nhau về nội dung thì là những đơn vị đồng âm cùng bậc (đồng âm giữa *từ* với *từ, hình vị* đồng âm với *hình vị, từ tố* đồng âm với *từ tố*). Trong hai loại trên, Lê Quang Thiêm xếp loại 01 vào *đồng âm hình vị*. Theo ông, khi phân biệt các hình vị đồng âm cũng nhất thiết phải dựa vào tiêu chuẩn ý nghĩa (ý nghĩa từ vựng, ý nghĩa ngữ pháp, ý nghĩa tạo từ, ý nghĩa cấu trúc). Theo ông, “Trong tiếng Việt, các hình vị đồng âm là các âm tiết, chúng có số lượng lớn..., tiếng Việt có nhiều đồng âm khác bậc (*từ - hình vị; từ thuần - hình vị Hán Việt*)” (Lê Quang Thiêm, 1989, tr. 140).

Bàn về *các dạng thể hiện đồng âm từ*, ông cho rằng “loại đơn vị thể hiện đồng âm điển hình hơn cả là *từ*, vì rằng *từ* là đơn vị phức tạp về cấu trúc và ý nghĩa. *Từ* cũng là đơn vị đảm nhiệm nhiều chức năng khác nhau và có nhiều hình thức thể hiện trong ngôn ngữ và trong lời nói. Xét về mặt ý nghĩa, *từ* cũng là đơn vị phức tạp, điển hình về nghĩa”. Tác giả Lê Quang Thiêm cho rằng: “đối với đồng âm từ vựng, cần phải xem xét: các dạng biểu hiện đồng

âm của từ (có ý nghĩa từ vựng khác nhau) và đồng âm hình thái của từ (có ý nghĩa ngữ pháp khác nhau)” (Lê Quang Thiêm, 1989, tr. 117”.

Đáng chú ý là những nhận xét sau đây của tác giả về hai khái niệm “hình thức từ” và “âm thanh từ”. Theo ông, “*hình thức từ* đối với nhiều ngôn ngữ hiện đại biểu hiện ở mặt *âm thanh* và cả *chữ viết*. Khi nói về sự giống nhau hay đồng nhất về hình thức thì trước hết và quan trọng nhất là âm thanh. Song mặt khác không kém phần quan trọng, mặt đầu không hoàn toàn chính xác là giống nhau về chữ viết. Chữ viết là biểu hiện kèm theo, vì hệ thống chữ viết dù là “ghi âm vị” như tiếng Việt cũng còn nhiều bất hợp lý cho nên không thể dựa vào chữ viết làm chính mà chỉ xem là biểu hiện kèm theo. Đồng âm là giống nhau về âm thanh. Đó là điều kiện tiên quyết, bắt buộc...” (Lê Quang Thiêm, 1989, tr. 142).

Theo tác giả, *đồng âm hình thái* là: “khi 02 hình thái từ (nói và viết) như nhau, có ý nghĩa ngữ pháp khác nhau thì đó là đồng âm hình thái” (Lê Quang Thiêm, 1989, tr 118). Theo ông, đối với tiếng Việt và các ngôn ngữ đơn lập không có đồng âm hình thái.

Theo nhà nghiên cứu Lê Quang Thiêm, khi nói về đồng âm cần chú ý tới các dạng đồng âm và các thuật ngữ sau: (1) *đồng từ dạng*: là dạng viết giống nhau của các từ khác nhau (xét về ý nghĩa từ vựng), (2) *đồng âm dạng*: là dạng nói giống nhau của những từ khác nhau (xét về ý nghĩa từ vựng), là đồng âm theo nghĩa rộng, (3) *từ đồng âm*: là những từ khác nhau mà viết và nói như nhau, hay là từ đồng âm hoàn toàn, đồng âm theo nghĩa hẹp, (4) *đồng âm hình thái*: là đồng âm ngữ pháp, đó là

những hình thái của cùng một từ, giống nhau về mặt âm thanh và chữ viết, có ý nghĩa ngữ pháp khác nhau.

Khi bàn về *đặc điểm của sự thể hiện đồng âm ở các ngôn ngữ*, tác giả Lê Quang Thiêm (1989) cho rằng: “(1) tiếng Việt là ngôn ngữ không biến đổi hình thái từ để biểu hiện ý nghĩa ngữ pháp nên tiêu chuẩn quan trọng để xác định từ đồng âm hoàn toàn là khả năng kết hợp của từ, (2) *đồng âm bộ phận* (thường là các từ đồng âm khác từ loại, khả năng kết hợp ngữ pháp khác nhau) như: *về₁* (về nhà) *về₂* (bàn về)... , (3) *đồng âm dạng*, có khi không được thể hiện ra bằng chữ viết cho nên không thể căn cứ vào chữ viết để xác định: *ty₁* (ty; sò); *ti₂* (cái ti). Trong tiếng Việt, hiện tượng đồng âm dạng xảy ra với từ có cách viết với các âm vị: k – k, c; i – y; z – d, gi... như: *cuốc₁* (cái *cuốc*) và *quốc₂* (tổ *quốc*); *dây₁* (sợi *dây*) và *giấy₂* (*giấy* phút), (4) khi bàn về *đồng tự dạng* trong tiếng Việt phải chú ý tới khả năng khu biệt nghĩa của thanh không dấu trong tiếng Việt, (5) tiếng Việt không biến đổi hình thái nên không có vấn đề đồng hình thái” (tr. 144).

Năm 1998, đáng chú ý là quan điểm của tác giả Nguyễn Thiện Giáp trong cuốn *Từ vựng học tiếng Việt*. Trong phần III của *Từ vựng học tiếng Việt* (Nguyễn Thiện Giáp, 1998, tr. 147-189), hiện tượng đồng âm cũng là một trong sáu trọng tâm được Nguyễn Thiện Giáp đề cập tới. Trong phần “Nhận xét chung”, trước tiên, ông coi hiện tượng đồng âm là một phổ niệm trong ngôn ngữ. Kế đó, tác giả đi vào phân tích, so sánh hiện tượng đồng âm trong các loại hình ngôn ngữ đơn lập và biến hình với ngữ liệu từ tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng

Việt, tiếng Hán. Đáng chú ý là năm nhận xét sau:

(1) Hiện tượng đồng âm thường xảy ra trong phạm vi những từ ngắn, có cấu trúc đơn giản do có tính võ đoán cao.

(2) Trong các ngôn ngữ Ấn Âu, từ đồng âm thường là các từ đơn. Trong tiếng Việt, do mỗi âm tiết đồng thời là một từ, cấu trúc âm tiết tiếng Việt lại gồm các thành phần (âm đầu, vần, thanh điệu. Vần lại chia ra thành âm chính, âm cuối, âm đệm), mỗi thành phần của âm tiết làm thành một đối hệ do đó các thành phần cấu tạo âm tiết luôn có mặt. Vì vậy, hiện tượng đồng âm trong tiếng Việt chắc chắn phổ biến hơn các ngôn ngữ Ấn Âu.

(3) Hiện tượng đồng âm phụ thuộc rất nhiều vào số lượng âm tiết được ngôn ngữ sử dụng là nhiều hay ít. Tiếng Việt sử dụng khoảng 6000 âm tiết, còn tiếng Hán chỉ sử dụng một số lượng ít (khoảng 1/10 tiếng Việt) cho nên hiện tượng đồng âm trong tiếng Hán phổ biến hơn, nhiều hơn trong tiếng Việt.

(4) So với các tiếng Ấn Âu, từ đồng âm trong tiếng Việt có những phẩm chất khác như sau:

(a) Vì tiếng Việt không biến hình cho nên các từ đã có quan hệ đồng âm sẽ giữ mãi quan hệ đó trong tất cả hoàn cảnh sử dụng của mình, không có hiện tượng đồng âm ở một dạng thức biến đổi nào đó của từ, tiếng Việt chỉ có một dạng đồng âm hoàn toàn mà thôi.

(b) Vì trong tiếng Việt, mỗi hình vị là một từ cho nên cũng không có sự đối lập giữa hiện tượng đồng âm gốc từ và hiện tượng đồng âm phái sinh. Trong tiếng Việt chỉ có một loại đồng âm gốc từ mà thôi.

(5) Trong tiếng Việt, tuy có hiện tượng đồng âm giữa các ngữ và các

cụm từ như: *băng hà*₁ và *băng hà*₂... nhưng hiện tượng đồng âm của từ vẫn là cơ bản và quan trọng nhất bởi:

(a) Hiện tượng đồng âm hoàn toàn của ngữ hoặc cụm từ tự do ít hơn rất nhiều so với hiện tượng đồng âm của từ.

(b) Hiện tượng đồng âm của ngữ và cụm từ thường chỉ tạo nên từng cặp một, trong khi ấy, loạt đồng âm của từ khá phong phú, có khi lên tới 08 hay 09 thành viên.

(c) Sự đồng âm của từ quyết định toàn bộ sự đồng âm của những đơn vị khác vì các ngữ, các cụm từ tự do đồng âm với nhau là do từng từ một tạo nên, chúng có quan hệ đồng âm với nhau. Hiện tượng đồng âm của ngữ và cụm từ chỉ là sản phẩm hậu kỳ do kết quả của quá trình sử dụng có dụng ý của con người.

(d) Các hiện tượng đồng âm trong tiếng Việt đều bắt nguồn từ sự đồng âm của các từ và cần phải xuất phát từ sự đồng âm của các từ để soi sáng các hiện tượng đồng âm khác là phù hợp với thực tế tiếng Việt. Tuy kết luận như vậy, nhưng tác giả cũng nêu lên những ngoại lệ sau: *anh nuôi*₁ và *anh nuôi*₂ (theo tác giả là hai từ ghép); *ý thức*₁ và *ý thức*₂; *hy vọng*₁ và *hy vọng*₂... cũng không phải là do đồng âm của những từ đơn tiết tạo ra mà là hiện tượng đồng âm được hình thành từ hiện tượng chuyển loại.

Căn cứ vào năm kiểu từ khác nhau về nghĩa đã được phân chia, tác giả chia từ đồng âm thành mười bốn kiểu quan hệ. Theo tác giả Nguyễn Thiện Giáp (1998), bức tranh về hiện tượng đồng âm của tiếng Việt rất đa dạng, trong một loạt đồng âm của tiếng Việt có thể có trên dưới mười từ thuộc các kiểu khác nhau (tr. 173).

Nguyễn Thiện Giáp còn bình luận về tác dụng của từ đồng âm. Theo ông, trong mười bốn kiểu quan hệ trên, chỉ có hai kiểu quan hệ có thể gây ra sự hiểu lầm đó là: kiểu từ thuần việt đồng âm với từ Hán Việt (kiểu 1.3) và kiểu từ Hán Việt đồng âm với từ Hán Việt (kiểu 3.3). Theo ông, sở dĩ các từ kiểu 1.3 và 3.3 dễ gây hiểu lầm bởi chúng không hoạt động tự do nhưng cũng không chỉ nằm trong những kết hợp đơn nhất, nghĩa của chúng ít nhiều có sự cộng hưởng với nghĩa của các từ cùng kết hợp với chúng, vì vậy người ta khó nhận ra nghĩa riêng của từng từ. Ví dụ: nghĩa của các từ *đại* trong các kết hợp *đại ác*; *đại biểu*, *thời đại*...

Theo Nguyễn Thiện Giáp, có bốn con đường hình thành nên các đơn vị đồng âm của tiếng Việt, đó là: (1) do sự tiếp nhận các từ nước ngoài, trong đó, các từ gốc Hán tạo nên số lượng lớn các loạt đồng âm trong tiếng Việt, (2) do sự biến đổi ngữ âm, (3) do sự phân hóa ý nghĩa của từ đa nghĩa, (4) do sự hình thành các đơn vị từ vựng mới trên chất liệu cũ.

2.2. Đánh giá ưu điểm và nhược điểm của cách tiếp cận từ đồng âm trong một số giáo trình ở bậc học đại học hiện nay

2.2.1. Ưu điểm

Những vấn đề cơ bản về lí thuyết đã được các tác giả đề cập tới một cách khá đầy đủ khi bàn về hiện tượng đồng âm của tiếng Việt. Những tác giả tiêu biểu phải kể đến là Nguyễn Văn Tu (1978), Đỗ Hữu Châu (1981), Nguyễn Thiện Giáp (1998), Lê Quang Thiêm (1989).

2.2.2. Nhược điểm

Về khái niệm, qua thống kê cho thấy, chỉ có một số ít công trình có đưa ra khái niệm *đồng âm* nói chung và khái

niệm từ *đồng âm* nói riêng, chẳng hạn: Đỗ Hữu Châu (1981) cho rằng: “những đơn vị đồng âm là những đơn vị giống nhau về hình thức ngữ âm nhưng khác nhau về ý nghĩa” (tr. 228). Những tác giả còn lại đều chủ trương xác định từ đồng âm dựa trên hai tiêu chí cơ bản là giống nhau về âm thanh và khác nhau về ý nghĩa. Điều chưa được hợp lý ở những tác giả này là cách diễn đạt cái gọi là “vô âm thanh” và “hình thức ngữ âm” ở đây rất mơ hồ, dễ gây ra sự ngộ nhận những khái niệm này đơn thuần chỉ là chữ viết. Theo chúng tôi, nên thay hai khái niệm này bằng khái niệm *hình thức biểu hiện* hay chỉ rõ nội hàm và ngoại diên của hai khái niệm này thì sẽ phù hợp hơn. Các tác giả không hiểu ngôn khái niệm *đồng âm* về cơ bản đều chủ trương hai tiêu chí: *âm* giống, *nghĩa* khác. Theo chúng tôi, hiện tượng đồng âm là những hiện tượng đồng nhất về mặt biểu hiện và khác nhau về bình diện được biểu hiện. Từ đồng âm trong tiếng Việt là những từ giống nhau về âm thanh, khác nhau về nghĩa và hiện không có quan hệ gì với nhau.

Cũng như tác giả Lê Quang Thiêm, chúng tôi cho rằng: hình thức từ đối với nhiều ngôn ngữ hiện đại biểu hiện cả ở mặt âm thanh và chữ viết nhưng khi nói về sự giống nhau hay đồng nhất về hình thức thì trước hết và quan trọng nhất là về âm thanh. Mặt khác, đối với một số ngôn ngữ (ví dụ tiếng Hán...), giống nhau về văn tự cũng là quan trọng mặc dù không hoàn toàn chính xác, song cũng cần lưu tâm vì đó là biểu hiện kèm theo. Trên thực tế, trong một số ngôn ngữ như tiếng Việt, thậm chí loại văn tự hiện dùng (chữ quốc ngữ) vẫn là một loại văn tự còn nhiều bất cập trong việc phản ánh cách phát âm của người Việt.

Điều này cũng đã được phản ánh nhiều trong các công trình ngữ âm học tiếng Việt của các nhà nghiên cứu Đoàn Thiện Thuật, Cao Xuân Hạo... Tuy nhiên, có lẽ quan điểm có lợi cho quá trình dạy và học tiếng Việt hơn cả là nên coi những đơn vị đồng âm trong tiếng Việt là những đơn vị giống nhau về âm đọc, khác nhau về nghĩa, trùng nhau về chữ viết và hiện không có liên hệ gì về nghĩa.

Về tiêu chí xác định các đơn vị đồng âm, trong ngôn ngữ học, ba tiêu chí cần và đủ để xác định những đơn vị đồng âm là: (1) tiêu chí về ngữ âm (giống nhau về âm thanh), (2) tiêu chí nghĩa (khác nhau về nghĩa), (3) tiêu chí quan hệ (không có quan hệ gì với nhau). Chẳng hạn: Trong tiếng Anh, *bank*₁ (chỉ tổ chức tài chính) và *bank*₂ (chỉ sườn dốc của con sông) là hai từ đồng âm với nhau (đồng âm hoàn toàn) vì có âm thanh giống nhau, có nghĩa khác nhau, không có quan hệ về từ nguyên. Trong tiếng Việt, *ba*₁ (chỉ số đếm sau số hai) và *ba*₂ (chỉ người đàn ông trong mối quan hệ với con) là hai từ đồng âm; *anh* *vũ*₁ (chỉ chim vẹt) và *anh* *vũ*₂ (chỉ một loài cá nước ngọt) cũng là hai từ đồng âm.

Tuy vậy, trên thực tế, khi xác định những đơn vị đồng âm một số nhà ngữ học vẫn đưa thêm vào một số tiêu chí khác như: *văn tự, dạng thức*....

Theo chúng tôi, tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, không biến đổi hình thái nên phương pháp xác định các đơn vị đồng âm nói chung và từ đồng âm nói riêng sẽ không giống các ngôn ngữ Ấn Âu (không có đồng âm hình thái), các từ đã có quan hệ đồng âm sẽ giữ quan hệ đó trong tất cả quan hệ sử dụng của mình; mặc dù chữ viết (văn tự) về lý luận chỉ là “cái để biểu

hiện ngôn ngữ”, “nằm ngoài ngôn ngữ”... song do những đặc thù về lịch sử của tiếng Việt, như: trong tiếng Việt có một bộ phận không nhỏ từ Hán Việt (xấp xỉ 70%), người Việt đã sử dụng chữ Hán trong một thời gian dài song song với việc sử dụng văn tự âm vị học và tiếng Hán hiện đại hiện vẫn đang sử dụng loại văn tự biểu ý nên theo chúng tôi, bên cạnh ba tiêu chí (ngữ âm, ý nghĩa, quan hệ) thì tiêu chí phụ (tiêu chí văn tự) sẽ có một vai trò nhất định trong việc xác định, phân loại các đơn vị đồng âm trong hai ngôn ngữ Việt, Hán (dùng để phân biệt các đơn vị đồng âm đồng hình trong tiếng Hán, phân biệt các đơn vị đồng âm ngẫu nhiên với những đơn vị đồng âm được phân tách từ những đơn vị đa nghĩa...).

Về giới hạn của các đơn vị đồng âm, các đơn vị đa nghĩa, mặc dù chiếm tỉ lệ không nhiều trong những đơn vị đồng âm song những đơn vị đồng âm ngữ nghĩa (những đơn vị được hình thành từ quá trình phân li các nét nghĩa của một từ đa nghĩa) lại là những đơn vị rất phức tạp. Trong giới ngôn ngữ học, vấn đề giới hạn của từ đồng âm và từ đa nghĩa được thảo luận khá nhiều và vẫn là một vấn đề nan giải. Chẳng hạn:

Tác giả Nguyễn Văn Tu (1978, tr. 53) chủ trương: “nên dựa vào những tài liệu khách quan của ngôn ngữ toàn dân trong một giai đoạn lịch sử nhất định”. Tới công trình *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại*, ông hiểu ngôn ngữ như sau: “những từ đồng âm do sự tách rời các ý nghĩa của một từ đa nghĩa ra thuộc về hiện tượng nhất từ đa loại” (Nguyễn Văn Tu, 1978, tr. 153). Theo ông, có thể được phân biệt bằng ba cách sau: (1) tìm những dấu hiệu hình thái học và cú pháp, (2) áp dụng “tiêu chuẩn nội

dung”, (3) phải chú ý tới cả mặt logic, mặt tâm lí của nghĩa và mặt ngôn ngữ mà trong đó nghĩa tồn tại. Theo ông, trong ba phương pháp này thì phương pháp thứ ba là phương pháp có hiệu năng hơn cả.

Tác giả Đỗ Hữu Châu (1981, tr.48) đã đề ra tiêu chuẩn tách từ đồng âm như sau: “nếu hiện tượng chuyển nghĩa xảy ra một cách cá biệt mà ngày nay không thể giải thích mối quan hệ giữa nghĩa ấy với các nghĩa khác của từ thì có thể tách nghĩa ấy thành một từ đồng âm hay một quán ngữ...” Tới công trình *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, tác giả Đỗ Hữu Châu còn cho rằng: “khó khăn nhất là phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa. Có những từ mà nghĩa chuyển biến đến một mức độ nào đấy thì tách ra thành hai ba từ đồng âm... tuy nhiên rất nhiều trường hợp chuyển nghĩa làm chúng ta băn khoăn...” (Đỗ Hữu Châu, 1981, tr. 232). Những trường hợp khó xác định theo ông là: “(1) Những trường hợp chuyển nghĩa kèm theo sự chuyển từ loại lớn như: *cuốc* (cuốc đất) và *cuốc* (cái cuốc), *thịt* (miếng thịt) và *thịt* (thịt một con lợn)..., (2) những trường hợp chuyển nghĩa kèm theo sự chuyển tiểu loại như: *chạy* (chạy trên đường) và *chạy* (chạy gạo)..., (3) những trường hợp nhiều nghĩa mà quan hệ giữa các nghĩa tuy đã khá mờ nhạt nhưng vẫn chưa mất hoàn toàn kiểu như: *lóng* (lóng tre) và *lóng* (lóng tay), *lỏi* (tốt lỗi) và *lỏi* (thẳng lỗi)” (Đỗ Hữu Châu, 1981, tr. 48). Theo ông, nếu chỉ xét trong hệ thống từ vựng (không xét vận động từ ngôn ngữ sang lời nói) thì có thể có những mức độ sau đây: (a) một hình thức ngữ âm, một nghĩa, (b) một hình thức ngữ âm, nhiều nghĩa (hiện tượng nhiều nghĩa bao gồm cả các nghĩa biểu

vật, biểu niệm và nghĩa ngữ pháp, có tính đồng loạt cao kiểu như những trường hợp chuyển từ loại, tiểu loại hoặc như trường hợp chuyển từ danh từ chỉ đồ vật sang danh từ chỉ đơn vị, trường hợp chuyển tên gọi hoạt động sang tên gọi đơn vị, sự vật do hoạt động đó mà có, (c) một hình thức ngữ âm, nhiều nghĩa (hiện tượng nhiều nghĩa chỉ bao gồm các nghĩa biểu vật, không bao gồm ý nghĩa ngữ pháp) nhưng tính đồng loạt vẫn cao, biểu hiện trong sự chuyển nghĩa theo cùng một hướng của những từ trong cùng một trường kiểu như: *mặt* - mặt ghế; *chân* - chân tường; *lòng* - lòng sủng..., (d) Một hình thức ngữ âm, nhiều nghĩa (hiện tượng nhiều nghĩa bao gồm cả nghĩa biểu vật) tính cùng hướng không rõ ràng tuy vậy vẫn có thể đoán được cơ chế chuyển nghĩa theo hướng ẩn dụ, hoán dụ hay rút gọn kiểu như: *lùa* (lùa vịt) với *lùa* (lùa com vào miệng), *đằm* (ao đằm) với *đằm* (lê đằm thấm khăn), (e) một hình thức ngữ âm, nhiều nghĩa nhưng không có tính đồng loạt, không nhận ra được cơ chế, tính nhiều nghĩa hoàn toàn cá biệt kiểu như: *đi* (đi giày) với *đi* (đi Hà Nội) và những trường hợp đồng âm ngẫu nhiên do nhiều nguyên nhân mà có. Theo tác giả Đỗ Hữu Châu (1981), chỉ có thể xem là từ đồng âm ở trường hợp (c) còn các trường hợp (a; b; d; e) thì là từ nhiều nghĩa.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Thiện Giáp (1998, tr.188) thì chủ trương vận dụng tiêu chuẩn “ngữ nghĩa”, ông viết: “khi một ý nghĩa của một đơn vị nhiều nghĩa bị phân hoá xa đến mức cái nghĩa tổ chung vốn có của ý nghĩa này với các ý nghĩa khác của từ trở nên không quan yếu đối với nó nữa, đặc trưng cho ý nghĩa này là một nghĩa tổ khác, chính nghĩa tổ đó đưa từ nhập vào một trường

hiện tượng mới, khi đó có thể coi như đã xuất hiện một từ mới”.

Tác giả Lê Quang Thiêm (1989, tr.193) cho rằng “sự tồn tại hay vắng mặt nét nghĩa chung trong các nghĩa của từ đa nghĩa là tiêu chuẩn xác định đa nghĩa và đồng âm ngữ nghĩa”.

Về phân loại các đơn vị đồng âm, ở Việt Nam, tác giả Nguyễn Thiện Giáp (1971, tr. 22-24) đã phân từ đồng âm trong tiếng Việt thành 02 loại là: những từ đồng âm hoàn toàn và từ đồng âm bộ phận (từ đơn đồng âm với bộ phận của từ đa tiết, bộ phận từ đa âm tiết đồng âm với bộ phận của từ đa âm tiết). Tác giả Nguyễn Văn Tu (1978, tr.145) lại căn cứ vào “chỗ khác nhau về nghĩa từ vựng và phạm trù ngữ pháp của các từ đồng âm” chia từ đồng âm thành hai kiểu: (1) *từ đồng âm từ vựng* (cùng từ loại, khác nhau về ý nghĩa từ vựng) và (2) *từ đồng âm từ vựng – ngữ pháp* (những từ đồng âm với nhau cả về ngữ pháp lẫn nghĩa từ vựng). Trong đó loại đồng âm từ vựng gồm hai tiểu loại là *đồng âm hoàn toàn* như: *cát*₁ (cát sách đi), *cát*₂ (cát rượu), *cát*₃ (cát hàng), *cát*₄ (cát vó) và *đồng âm không hoàn toàn* như: *cháy* (chảy nước mắt), *tráy* (trầy quả). Loại đồng âm từ vựng – ngữ pháp cũng bao gồm hai tiểu loại là: *loại đơn giản* (chỉ có hai từ loại với nhau) kiểu như: *bào* (đgt) – *bào* (dt); *về* (giới từ) – *về* (về nhà). *Loại phức tạp* (gồm nhiều từ loại khác nhau) như: *dầu* (liên từ) – *dầu* (dt) – *giàu* (tt) – *rầu* (tt)”.

Tác giả Nguyễn Thiện Giáp (1998, tr. 174-178) chia từ đồng âm thành hai loại là: (1) đồng âm giữa từ với từ (là cơ bản nhất), (2) đồng âm giữa ngữ và cụm từ (là sản phẩm hậu kỳ của quá trình sử dụng ngôn ngữ) với mười bốn kiểu quan hệ. Tác giả Lê Quang Thiêm (1989, tr. 139-141) thì chia thành hai

loại là (1) đồng âm cùng bậc và (2) đồng âm khác bậc và khẳng định “đơn vị đồng âm điển hình là từ bởi từ là đơn vị phức tạp về cấu trúc, ý nghĩa, đảm nhiệm nhiều chức năng và có nhiều dạng thể hiện trong lời nói”...

Theo chúng tôi, tất cả những cách phân loại trên đều có cơ sở khoa học, vẫn có giá trị giải thích đối với hiện tượng đồng âm trong tiếng Việt. Trong những thời điểm nhất định các cách phân loại này đã giúp ích cho việc dạy và học tiếng Việt. Song có lẽ do tiến hành thống kê trong những bộ từ điển được biên soạn đã quá lâu nên số liệu tới nay không còn hoàn toàn chính xác. Mặt khác, một số tác giả khi làm thống kê chưa thật sự triệt để, chỉ làm điểm một số mục từ rồi dựa vào đó để đoán định nên kết quả là bỏ sót nhiều hiện tượng đồng âm lí thú của tiếng Việt, khi kiểm tra lại thấy còn mơ hồ hoặc còn nhiều sai sót. Chẳng hạn: tác giả Đỗ Hữu Châu (1981, tr. 229-230) cho rằng: “... Hiện tượng đồng âm trong tiếng Việt xuất hiện khá nhiều ở những từ một âm tiết”. Theo kết quả thống kê xử lí mục L trong từ điển của ông thì: “... Có tổng cộng 106 âm tiết tương đương với hai từ trở lên và có 164 âm tiết tương đương với một từ. Ở các mục từ khác thì tỉ lệ giữa các âm tiết đồng âm và âm tiết một từ cũng xấp xỉ tỉ lệ trên. Còn những trường hợp đồng âm song tiết (02 âm tiết) là cực kỳ hiếm thấy...” (Đỗ Hữu Châu, 1981, tr. 229-230) (chỉ thấy ông đưa ra có sáu cặp). Thống kê *Từ điển từ đồng âm tiếng Việt* của các tác giả Hoàng Văn Hành, Nguyễn Văn Khang & Nguyễn Thị Trung Thành (2001), chúng tôi thu được 136 loạt đồng âm song tiết với 272 đơn vị. Còn theo số liệu thống kê từ *Từ điển tiếng*

Việt của tác giả Hoàng Phê (2006), trong tiếng Việt hiện có tới 282 loạt đồng âm song tiết với 577 đơn vị.

Theo quan điểm của chúng tôi, nếu tiến hành phân loại các đơn vị đồng âm theo hướng đối lập từ địa phương với từ toàn dân thì sẽ xảy ra tình trạng rất khó phân biệt một cách rạch ròi giữa từ đồng âm địa phương với từ đồng âm toàn dân, nhất là trong bối cảnh giao thoa ngôn ngữ mạnh mẽ hiện nay. Những khó khăn tương tự cũng xảy ra nếu chọn cách đối lập giữa từ thuần Việt với từ Hán việt. Nếu tiến hành phân loại các đơn vị đồng âm theo tôn ti, cấp bậc của các đơn vị ngôn ngữ, sẽ có một số khó khăn như: sự phân biệt giữa những đơn vị như từ ghép và ngữ cố định... là không rõ ràng. Còn nếu tiến hành phân loại các đơn vị đồng âm theo từ loại thì sẽ dẫn đến khó khăn là cho tới tận bây giờ, sự phân biệt các từ loại trong tiếng Việt vẫn không thật sự rõ ràng, thậm chí còn có nhiều ý kiến khác nhau, chẳng hạn sự phân biệt giữa động từ với tính từ, giữa tính từ với danh từ... Điều này dẫn tới thực tế là sẽ có những đơn vị đồng âm mà khi chú từ loại sẽ phải dùng một giải pháp lưỡng khả: động từ cũng được mà tính từ cũng được, danh từ hay tính từ cũng không sai. Khảo sát những đơn vị đồng âm trong tiếng Việt trong *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê (2006), chúng tôi thấy những trường hợp như vậy là không hiếm gặp. Mặt khác, có một số đơn vị đồng âm nhưng đồng thời lại là những đơn vị đa nghĩa, các nghĩa của những đơn vị đồng âm - đa nghĩa này lại thuộc về các từ loại khác nhau và sự sắp xếp ý nghĩa này trước ý nghĩa kia nhiều khi chỉ có tính võ đoán chứ không phản ánh một trật tự logic nào, nhiều khi chỉ phụ

thuộc vào ý chí chủ quan của người biên soạn.... Điều này chắc chắn sẽ ảnh hưởng ở một mức độ nào đó tới việc thống kê, quy loại và đánh giá tỉ lệ các đơn vị đồng âm trong nội bộ một từ loại và liên từ loại.

Chúng tôi nhận thấy, ngoài các nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Tu và Nguyễn Thiện Giáp, các tác giả Việt ngữ khác khi tìm hiểu hiện tượng đồng âm của tiếng Việt dưới góc độ từ loại không thấy đề cập tới những hiện tượng mà trên thực tế đã xảy ra như: có hiện tượng đồng âm giữa những đơn vị thuộc về nhiều từ loại khác nhau (trên hai từ loại), thậm chí lên tới bốn từ loại. Ngoài những hiện tượng đồng âm thường gặp giữa các thực từ thì còn có những hiện tượng đồng âm giữa những đơn vị hư từ với nhiều dạng thức khác nhau... Theo chúng tôi, nhìn nhận hiện tượng đồng âm dưới góc độ từ loại tuy có phức tạp song nếu tiến hành triệt để, nhất quán thì những kết luận đưa ra vẫn có giá trị tham khảo, có ích cho thực tiễn.

Một số tác giả như Nguyễn Thiện Giáp (1998, tr. 150), Lê Quang Thiêm (1989, tr.178-179, 184) còn có xu hướng tích hợp thêm những tiêu chí về lượng (thống kê phân loại các đơn vị đồng âm của tiếng Việt dưới góc độ từ loại, số lượng âm tiết tham gia cấu tạo nên các loạt đồng âm). Theo chúng tôi, đây là phương pháp tiếp cận và phân loại hợp lí bởi nó cho phép chúng ta tiếp cận vấn đề từ cả hai hướng bên trong và bên ngoài. Thông qua kết quả thống kê, xử lí từ điển của họ, số liệu về các đơn vị đồng âm trong tiếng Việt hiện lên một cách khá cụ thể. Đáng tiếc, phương pháp này chưa được áp dụng một cách triệt để, nhất quán; khối ngữ liệu thống kê còn nhỏ, thời gian thống

kê cách đây đã khá lâu (trên hai mươi năm) nên cho tới nay một số điểm đã không còn phù hợp, cần phải được kiểm chứng lại.

Về vị trí của từ đồng âm cùng gốc ngữ nghĩa trong tổng thể từ đồng âm tiếng Việt, chiếm một tỉ trọng lớn trong tổng thể từ đồng âm tiếng Việt (36,1% với 3060 đơn vị và với 1480 loạt), những đơn vị đồng âm cùng gốc ngữ nghĩa trong tiếng Việt có một vị trí và vai trò quan trọng trong việc thể hiện đặc điểm loại hình của tiếng Việt: đơn lập, không biến hình; từ một mặt có những đặc điểm từ loại khá mơ hồ (chủ yếu là phụ thuộc vào vị trí của từ trong hoàn cảnh sử dụng, trong cấu trúc câu), một mặt lại thể hiện được tính linh hoạt, uyển chuyển trong quá trình sử dụng. Thêm vào đó là đặc điểm cấu tạo đơn giản: phần lớn là đơn tiết, những đơn vị có cấu tạo đa tiết (hai, ba, bốn âm tiết) chiếm tỉ lệ ít, lại có dung lượng nghĩa thấp (đại bộ phận là từ đơn nghĩa) nên những đơn vị đồng âm này thường được sử dụng làm nguyên liệu cho những thủ pháp tu từ về từ, nhất là trong câu đối hay chơi chữ. Tuy nhiên, chúng cũng có một nhược điểm lớn là có thể gây ra những khó khăn nhất định trong giao tiếp, nhất là đối với người nước ngoài học tiếng Việt, đặc biệt là khi họ phải đối mặt với những đơn vị đồng âm cùng gốc có đặc điểm vừa đồng âm lại vừa đa nghĩa (bao gồm cả những đơn vị vừa đồng âm vừa đa nghĩa hoàn toàn và không hoàn toàn). Chẳng hạn, các đơn vị đồng âm nằm trong hai loạt đồng âm cùng gốc có âm đọc là *bầy* và *bã* dưới đây:

“Bầy I (d). 1 Dụng cụ thô sơ để lừa bắt, giết loài vật hoặc kẻ địch. *Chim sa vào bầy. Gài bầy. Bầy chông.* 2 Cái bố trí

sẵn để lừa cho người ta mắc vào. *Tên cướp bị sa bẫy.*

II (đg). 1 Bắt hoặc tiêu diệt bằng bẫy. *Đốt đèn để bẫy bướm. 2* Lừa cho mắc mưu để làm hại. *Bẫy người vào tròng*” (Hoàng Phê, 2006, tr. 53).

“Bã I d. Phần xác còn lại sau khi đã lấy hết chất nước cốt. *Bã rượu. Theo voi ăn bã mía.*(tng.).

II t.1 Rời, nát và nhạt nhẽo như chỉ là cái bã còn lại. *Giò bã. 2* Một mối tới mức có cảm giác như chân tay rã rời, không còn gắng gượng để hoạt động bình thường được. *Một bã cả người*” (Hoàng Phê, 2006, tr. 23).

Đi vào nghiên cứu, tìm hiểu từ đồng âm nói chung cũng như đi vào tìm hiểu từ đồng âm cùng gốc nói riêng, một mặt sẽ thấy rõ được đặc điểm và tầm quan trọng của hiện tượng chuyển loại không kèm phụ phẩm trong tiếng Việt, tiếng Hán, mặt khác chính là đi vào tìm hiểu một khu vực nhạy cảm – khu vực giao thoa giữa đồng âm và đa nghĩa. Ở đó, có sự thể hiện rất tinh tế cái lẫn ranh tế nhị và mơ hồ, thể hiện những nét đồng nhất và khác biệt giữa hai phạm trù đồng âm và đa nghĩa.

Về nhận diện các đơn vị đồng âm trong từ điển, trong *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên (2006), mỗi một đơn vị đồng âm là một mục từ. Các mục từ đồng âm được xếp theo một trật tự: *từ* trước *tổ hợp cố định* hoặc *hình vị* trước *từ*. Nếu cùng là từ cả thì được căn cứ vào từ loại để xếp theo thứ tự: danh từ, động từ, tính từ, đại từ, phụ từ, trợ từ, kết từ, cảm từ. Nếu là từ thuộc cùng một từ loại (thường là danh từ, cũng có khi là động từ, tính từ) thì căn cứ vào nội dung ngữ nghĩa, xếp theo thứ tự: từ có nghĩa cụ thể trước, từ có nghĩa trừu tượng sau; trong từ có nghĩa cụ thể thì từ nói về cái có sẵn trong tự nhiên (người,

động vật, khoáng vật) trước, từ nói về cái do con người tạo ra sau.

Các đơn vị đồng âm hợp lại với nhau tạo thành những loạt đồng âm, những đơn vị đồng âm trong loạt đồng âm được phân biệt với nhau bằng việc phân tách thành các đề mục riêng và bằng các kí số Ả rập 1, 2, 3, 4...

Trong *Từ điển tiếng Việt* (2006) còn có một kiểu đồng âm được gọi là “đồng âm ngữ nghĩa” (vì những đơn vị này hiện còn có mối quan hệ nguồn gốc - ngữ nghĩa khá rõ ràng). Những đơn vị này có khi là những đơn vị chuyển loại trong cùng một từ loại như: *bướm bướm, tóc tơ*... có khi là những đơn vị chuyển loại thành những đơn vị khác từ loại như: *hồn hợp, bệnh*... những đơn vị đồng âm ngữ nghĩa này được phân biệt với nhau bằng việc phân tách thành các đề mục riêng và bằng các kí số La mã I, II, III, IV.

Khảo sát nghĩa của đơn vị được *Từ điển tiếng Việt* (2006) dán nhãn là “đồng âm ngữ nghĩa” này ta nhận thấy: chúng thường là những đơn vị có chung biểu vật, giữa những đơn vị này vẫn có mối liên hệ ngữ nghĩa nào đó với nhau đầu không còn rõ ràng. Theo số liệu thống kê của chúng tôi, những đơn vị kiểu này có số lượng là 1480 đơn vị, trong đó đơn tiết có 804 đơn vị và đa tiết là 676 đơn vị. Đáng tiếc, những đơn vị đồng âm này cũng chưa được quan tâm, tìm hiểu kĩ lưỡng.

3. Kết luận

Hiện tượng đồng âm nói chung cũng như hiện tượng từ đồng âm nói riêng là một vấn đề lớn mà phạm vi của một bài viết cũng như khả năng có hạn của người viết sẽ không thể nào bao quát đầy đủ được. Tuy nhiên, chúng tôi cũng đã cố gắng tiếp cận, phân tích và lí

giải được một số khía cạnh cơ bản và chúng tôi sẽ có ích trong việc nghiên cứu, tìm hiểu, học tập, giảng dạy vấn đề quan trọng nhất của vấn đề này. Hi vọng rằng, những kiến giải, đề xuất của từ đồng âm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Hữu Châu. (1981). *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt*. Nxb Giáo dục.
- Đỗ Hữu Châu. (1998). *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*. Nxb Giáo dục.
- Hoàng Phê (chủ biên). (2006). *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng.
- Hoàng Văn Hành, Nguyễn Văn Khang & Nguyễn Thị Trung Thành. (2001). *Từ điển từ đồng âm tiếng Việt*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lê Quang Thiêm. (1989). *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*. Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
- Nguyễn Thiện Giáp. (1971). Một vài suy nghĩ về hiện tượng đồng âm trong tiếng Việt, *Ngôn ngữ*, 04, 22-27.
- Nguyễn Thiện Giáp. (1998). *Từ vựng học tiếng Việt*. Nxb Giáo dục.
- Nguyễn Văn Tu. (1978). *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại*. Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.

APPROACH TO HOMOPHONES IN SOME CURRENT UNIVERSITY CURRICULUMS

*Dao Manh Toan*¹

*Huynh Ngoc Tuyet Cuong*²

¹Dong Nai University

²National Cheng Kung University (NCKU)

*Corresponding author: Dao Manh Toan - Email: toan.daomanh@gmail.com

(Received: 28/8/2024, Revised: 13/9/2024, Accepted for publication: 11/12/2024)

ABSTRACT

Homophone is a universal category in many languages, including homonymy at the morpheme level, homonymy at the word and phrase level, and homonymy at the sentence level. In which homonymy at the word level is the most common phenomenon. Within the scope of this article, we focus on studying and analyzing the advantages and disadvantages of presenting basic and important issues about homonymy in college and university curriculums that have been and are being used in Vietnam and present our interpretations and suggestions to better fields like researching, learning, and teaching the issue of homonymy.

Keywords: Homophone, homophone phenomenon, homophone morphemes, homophone words, homophone phrases, homophone sentences